TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

Bản án số:*17/2017/DSSTHNGĐ*

Ngày: 29 / 9 /2017

V/v " *Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Tạ Thị Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Văn Ngọt; Ông Nguyễn Quốc Sáu
- *Thư ký phiên toà*: Bà Lại Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bỉm sơn.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm sơn tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ái Liên – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng *9* năm *2017* tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số *81/2017.*/TLST-HNGĐ ngày *23* tháng *5* năm *2016* về tranh chấp " *chia tài sản chung sau khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/QĐXX ngày 14/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K sinh năm 1966
Trú tại: Thôn N, xã Q thị xã B , tỉnh T (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1966
Trú tại: Thôn N, xã Q , thị xã B , tỉnh T (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 /5/2017, bản tự khai ngày 24 tháng 5 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H trước đây là quan hệ vợ chồng. Năm 2016, anh K và chị H ly hôn. Tòa án nhân dân thị xã B đã giải quyết và ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H . Về phần tài sản các đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trước đây anh và chị H thỏa thuận căn nhà và đồ dùng sinh

hoạt mỗi người được hưởng ½ nhưng anh để lại cho chị phần tài sản mà mình được chia, chị H đưa lại cho anh 40.000.000đ, anh K đã nhận số tiền này. Về đất ở được cấp để lại cho con 60 m^2 , cùng thống nhất để lại cho con 12 m ngang dọc theo tường rào trong đó có 60m^2 đất ở còn lại là đất vườn. Đến nay, anh thấy việc thỏa thuận của hai người trước đây không hợp lý, anh thiệt thòi nên anh đề nghị Tòa án giải quyết phân chia phần nhà và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình theo quy định của pháp luật. Anh đề nghị Tòa án chia đôi nhà đất cho mỗi người một nửa. Số tiền anh nhận của chị K 40 triệu anh đề nghị được trả lại cho chị H và tính theo lãi suất ngân hàng từ khi nhận tiền đến khi xét xử vụ án.

Đối với phần đất phía Nam vườn trồng cây hàng năm và cây lâu năm và phần đất phía Bắc là đất nuôi trồng thủy sản chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay chị H đang làm thủ tục cấp giất chứng nhận quyền sử dụng đất, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tài sản chung của anh K và chị H gồm có diện tích đất được cấp 200m^2 trên đất xây dựng 01 căn nhà mái bằng, bếp và công trình phụ. Ngoài diện tích được nhà nước cấp 200m^2 đất ở năm 1989, đến năm 2011 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, còn có diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng khai hoang từ năm 1989. Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm có 01 ti vi; 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn ghế 02 xe máy thì mỗi người đã sở hữu 1 cái. Đến nay chị xét thấy việc chị và anh K đã thỏa thuận hợp lý , anh K đã nhận tiền 40.000.000đ đầy đủ, nên chị không nhất trí việc chia lại. Hiện nay toàn bộ tài sản nhà, đất và đồ dùng sinh hoạt trong nhà là của chị, anh K đã nhận tiền thì không được gì nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị H giữ nguyên quan điểm không nhất trí theo đề nghị của anh K .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị hồi đồng xét xử tuyên bố giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 21/11/2016 của anh K và chị H là vô hiệu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Việc anh Nguyễn Văn K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi đã ly hôn là diện tích nhà và đất tại thôn N xã Q , thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình là quan hệ pháp luật " ***Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn***" được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên thuộc thẩm quyết của Tòa án. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Bỉm sơn thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung khởi kiện: Xét thấy, năm 2016 anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H ly hôn. Phần tài sản đã tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc tự thỏa thuận phân chia tài sản của hai người được thể hiện bằng giấy tự thỏa thuận ngày 21/11/2016 với nội dung: Toàn bộ diện tích nhà và đồ dùng sinh hoạt mỗi người được hưởng giá trị, nhưng chị H đưa lại cho anh K 40.000.000đ nên chị được hưởng toàn bộ tài sản. Phần đất mỗi người được hưởng 70m^2 đất ở còn lại là đất vườn, chị H có trách nhiệm đưa lại cho anh K số tiền là 40.000.000đ (*bốn mươi triệu*).

Xét thấy, về nguồn gốc nhà đất của anh K và chị H các bên thừa nhận là đất được cấp năm 1989. Sau khi kết hôn đến năm 2011 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vợ chồng làm nhà, làm bếp và công trình phụ như đã thẩm định định giá tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H khai hai bên đã chuyển nhượng cho nhau, anh K đã nhận tiền thì phải chấp nhận theo giấy thỏa thuận. Tuy nhiên hội đồng xét xử cũng xét bản chất của giấy thỏa thuận ngày 21/11/2016 chỉ là sự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng. Bởi lẽ anh K chưa có quyền chuyển nhượng mà hơn nữa các bên thừa nhận ngoài giấy giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 21/11/2016 thì không có giấy tờ gì thể hiện việc mua bán giữa hai người .

Giấy thỏa thuận ngày 21/11/2016 của anh K và chị H chỉ viết tay với nhau, không qua công chứng, chứng thực và đăng ký tại cơ quan nhà đất, nên chưa có giá trị pháp lý. Vì vậy, căn cứ điều 50 Luật Hôn nhân gia đình thì giấy thỏa thuận ngày 21/11/2016 của anh K và chị H là thỏa thuận vô hiệu. Mặt khác, so sánh với giá trị tài sản của vợ chồng tạo lập được đã được thẩm định và định giá so với số tiền anh K đã nhận có sự chênh lệc lớn. Vì vậy, anh K làm đơn đề nghị Tòa án chia lại là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo kết quả định giá của hội đồng định giá tài sản trị giá diện tích đất là 300.000.000đ; giá trị 01 nhà mái bằng 55,32m^2 trị giá: 155.615.160 đ;01 nhà bếp tường xây gạch đất nung đổ mía bằng diện tích 20,5 m^2 giá: 22.037.500đ;01 nhà vệ sinh mái đổ bê tông diện tích 5,9m^2 trị giá 14.944.700đ. Tổng giá trị phần xây dựng là 192.597.360 đ. Một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như: 01 ti vi So ny đã cũ trị giá: 4.000.000đ; 01 tủ lạnh TOSIBA đã cũ: 2.000.000đ; 02 loa BOSE và 01 bộ âm ly trị giá: 2.500.000 đ; 01 bộ bàn ghê xa lông gỗ tiện cũ : 1.000.000 đ; 01 bình nóng lạnh đã cũ trị giá: 1.000.000đ . Tổng cộng các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình là 10.500.000đ. Quá trình giải quyết, chị Huyền khai sau khi làm giấy thỏa thuận chị có làm thêm thay 3 bộ cửa hết 8.600.000đ và xây tường rào đằng sau hết 2.000.000đ tổng là 10.600.000đ. Số tiền này được trừ vào tổng giá trị tài sản để chia nên tổng giá trị tài sản được tính là: **492.497.360** đ *(bốn trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn, ba trăm sáu mươi đồng).*

Đối với yêu cầu chia đôi nhà, đất của anh K : Xét thấy vị trí công trình xây dựng và vật kiến trúc và diện tích đất không thể chia nhà đất cho cả hai người được vì chỉ có một lối cổng vào mà nếu chia đối diện tích đất thì sẽ phá vỡ làm mất giá trị sử dụng của các công trình xây dựng, nên giao cho chị H căn nhà mái bằng và toàn bộ công trình phụ, nhà bếp nhà vệ sinh và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đã được định giá, đồng thời chị H phải có trách nhiệm giao lại tiền chênh lệch cho anh K , được đối trừ số tiền chị đã giao cho anh K 40 triệu được tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm mức lãi suất 11% / năm nên số tiền tiền lãi là: 3.815.000đ. Tổng cả gốc và lãi là: 43.815.000đ.

Khi phân chia tài sản chia cho chị H phần tài sản nhiều hơn vì chị là phụ nữ , chị lại có công trong việc duy trì và phát triển khối tài sản chung của vợ chồng kể từ khi sau khi ly hôn. Cụ thể buộc chị H phải đưa lại tiền chênh lệc về phân chia tài sản chung của vợ chồng là 220.000.000đ cho anh K được trừ vào số tiền 43.815.000đ, còn lại 176.185.000đ (*một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn đồng*), chị H phải tiếp tục đưa lại cho anh K. Như vậy trong số tài sản chung của vợ chồng anh K được hưởng là: 220.000.000đ (*hai trăm hai mươi triệu đồng*). Chị H được hưởng là : 272.497.360 đ (*hai trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn, ba trăm sáu mươi đồng*).

Đối với phần diện tích đất ao phía Bắc là ao và phần đất phía Nam trồng cây hiện đang đề nghị cấp giấy chứng nhận, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xé xử không xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm e khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016. Điểm b mục 1.3 phần II

Danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 buộc anh Nguyễn Văn K phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm là: 11.000.000đ, số tiền này được trừ vào số tiền anh K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 7.5000.000đ(bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016 0004180 ngày 23 tháng 5 năm 2017, còn lại số tiền anh K tiếp tục phải nộp là **: 3.500.000đ** (*ba triệu, năm trăm ngàn đồng*). Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm là: **13.624.868** đ (*mười ba triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, tám trăm sáu mươi tám đồng)*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng**: khoản 2 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Điều 213, 218,218; điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các điều 33; khoản 2 điều 38; khoản 2 điều 39; điều 50, điều 59 Luật Hôn nhân gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn của anh và chị Nguyễn Thị H.

-Tuyên bố thỏa thuận về việc chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H vào ngày 21/11/2016 là vô hiệu.

Tài sản chung của anh K chị H được phân chia như sau:

Chị Nguyễn Thị H được sở hữu một số tài sản sau đây:

-01 nhà mái bằng ; 01 nhà bếp và các công trình xây dựng khác tổng diện tích xây dựng là 83,94 m^2 và toàn bộ diện tích đất 200m^2 tại thửa số 537, tờ bản đồ số 39 (đất đã được UBND thị xã B cấp ngày 10/6/2011). Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu một số tài sản trong gia đình như 01 ti vi SONY đã cũ, 01 tủ lạnh TOSIBA đã cũ, 02 chiếc loa BOSE; 01 bộ âm ly và 01 bộ bàn ghế Xa lông tiện; 01 bình nước nóng lạnh đã cũ.

Chị Nguyễn thị H còn phải đưa lại tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Nguyễn Văn K sau khi đã trừ đi số tiền anh K đã nhận (tính cả gốc và lãi là: 43.815.000đ trong đó tiền gốc là 40.000.000đ, tiền lãi phát sinh là 3.815.000đ ,nên chị H phải tiếp tục trả cho anh K số tiền là: **176.185.000đ** (*một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm tám lăm ngàn đồng*) về khoản chênh lệch chia tài sản.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh K có đơn đề nghị thi hành án nếu chị H không thanh toán số tiền nói trên cho anh K , thì hàng tháng chị H phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm e khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016. Điểm b mục 1.3 phần II

Danh mục về mức án phí ban hành theo nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 buộc anh Nguyễn Văn K phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm là: 11.000.000đ, số tiền này được trừ vào số tiền anh K đã nộp tiền tạm ứng án phí là 7.5000.000đ(bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016 0004180 ngày 23 tháng 5 năm 2017, còn lại số tiền anh K tiếp tục phải nộp là **: 3.500.000đ** (*ba triệu, năm trăm ngàn đồng*). Chị Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm là: **13.624.868** đ (*mười ba triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, tám trăm sáu mươi tám đồng)*

Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự , người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 luật thi hành án Dân sự . Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự chị H , anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2017).

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX B;
- TAND tỉnh T ;
- THADS thị xã B
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND TX Bỉm sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS thị xã Bỉm sơn
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TẠ THỊ HƯƠNG

các Điều 81,82,83,84 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 8, Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Khoản 1 mục I danh mục về mức án phí ban hành kèm theo pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lý xử. Chị Nguyễn Thị Lý được ly hôn với anh Vũ Văn Thức.

*Về phần con cái: Giao hai cháu Vũ Đức Trung (nam), sinh ngày 09/12/2013 và cháu Vũ Thị Ngọc Ánh (nữ), sinh ngày 26/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Lý trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh Vũ Văn Thức được quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung chị Nguyễn Thị Lý không được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con cái khi cần thiết, các đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: án phí DSST chị Nguyễn Thị Lý phải nộp 200.000đ được trừ vào số tiền chị Lý đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002245 ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chi cục thi hành án Dân sự huyện Hà Trung. Như vậy, chị Lý đã thi hành xong khoản án phí DSST

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/02/2017).

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND huyện Hà Trung;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Hương